

BÁO CÁO
Công khai quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024

Thực hiện Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Bệnh viện 331 báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 như sau:

I. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công

1. Tình hình sử dụng đất, trụ sở làm việc

Tổng diện tích đất Bệnh viện 331 đang sử dụng để phục vụ cho nhiệm vụ chuyên môn được giao là: 76.130,3 m², Xây dựng trụ sở cơ quan tại địa chỉ số 818 Phạm Văn Đồng, Yên Thế, Pleiku, Gia Lai gồm:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	GHI CHÚ
1	2	3	4
Bệnh viện 331			
Nhà sản	Cấp IV	1989	Cải tạo, SC năm 2021
Nhà Dược	Cấp IV	1993	
Nhà Cận Lâm sản	Cấp IV	1994	Cải tạo, SC năm 2019
Nhà xác	Cấp IV	1995	
Nhà mổ	Cấp IV	1995	Cải tạo, SC năm 2018
Nhà Chuyên khoa	Cấp IV	1997	Cải tạo, SC năm 2019
Nhà Hành chính	Cấp IV	1998	Cải tạo, SC năm 2020
Nhà khám Đa khoa	Cấp IV	2001	Cải tạo, SC năm 2018
Nhà HSCC	Cấp IV	2001	Cải tạo, SC năm 2018
Nhà ngoại số 2	Cấp IV	2001	
Nhà YHCT	Cấp IV	2002	Cải tạo, SC năm 2020
Nhà Nội-Nhi-Nhiễm (Nối giữa Nội 1-Nội 2)	Cấp IV	2002	Cải tạo, SC năm 2020
Nhà Ngoại số 1	Cấp IV	2002	Cải tạo, SC năm 2021
Nhà Nội-Nhi-Nhiễm	Cấp IV	2002	Cải tạo, SC năm 2019

2. Tình hình sử dụng xe ô tô và tài sản khác có giá trị 500 triệu trở lên

2.1. Xe ô tô:

- Bệnh viện 331 quản lý 01 xe ô tô cứu thương phục vụ công tác cấp cứu

2.2. Tài sản khác có giá trị 500 triệu trở lên: (có phụ lục kèm theo)

3. Tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước

3.1. Tài sản tăng

- Mua sắm mới 01 máy Photocopy Fujifilm (Mua sắm tập trung cấp địa phương)

3.2. Tài sản giảm:

- Thực hiện chuyển 12 Giường Inox không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ
(Chi tiết tài sản công theo biểu mẫu 9a, 9b, 9c, 9d đính kèm)

II. Đánh giá tình hình thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản

- Bệnh viện 331 đã thực hiện nghiêm việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện thống nhất có sự phân công rõ trách nhiệm của từng khoa, phòng, đến từng cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Việc mua sắm được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành, sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả. Trình tự thủ tục mua sắm, thanh lý tài sản nhà nước thực hiện theo đúng quy trình.

- Tài sản nhà nước được hạch toán cả về hiện vật và giá trị, ghi sổ, tính hao mòn/khấu hao theo quy định. Việc báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản được thực hiện đúng theo quy định của nhà nước.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 của Bệnh viện 331./.

Nơi nhận:

- Sở y tế;
- Website Bệnh viện 331;
- Lưu.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



BSCKII. Vũ Trọng Dũng

SỞ Y TẾ GIA LAI
BỆNH VIỆN 331

Số: 02/VB-BV331

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 05 năm 2024

**VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỂ TÍNH VÀO GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai;

Bệnh viện 331 thực hiện xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

1. Địa chỉ cơ sở nhà, đất: 818 Phạm Văn Đồng, Yên Thế, Pleiku, Gia Lai
2. Hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất²: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA 233720
3. Loại đất:
4. Hình thức sử dụng đất: CD (Cơ sở sự nghiệp công lập)
5. Diện tích đất: 37.130,3 m²
6. Giá trị quyền sử dụng đất đã xác định (theo Văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 381/QĐ-UBND ngày 11/05/2017): 233.058.195.000 đồng
7. Giá trị quyền sử dụng đất sau khi điều chỉnh: $37.130,3\text{m}^2 \times 6.600.000 = 245.059.980.000$ đồng
8. Lý do điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất³: Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Văn bản này được lập thành 02 bản, 01 bản gửi Sở y tế⁴, 01 bản lưu tại cơ quan/tổ

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/
TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ**



BSCKII. Vũ Trọng Dũng



BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỐ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ ⁽¹⁾

I. Về đất: ĐVT: ngàn đồng

Đơn vị	Địa chỉ	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị sau điều chỉnh giá đất
			Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
Ngành Y tế Gia Lai										
Tuyến tỉnh										
Bệnh viện 331	Bệnh viện	37.130		37.130					242.424.600	245.059.980

BÁO CÁO KẾ KHAI TRỤ SỐ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ⁽¹⁾

II- Về nhà:



TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (nghìn đồng)					SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m ²)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²)						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc				Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác	
					Trong đó													
					Nguồn NS	Nguồn khác												
Bệnh viện 331	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Nhà sản	Cấp IV	1989	01/01/1989	9.747.834	9.349.718	398.116	3.963.369	0	0	3.887	3.887		X					
Nhà Dược	Cấp IV	1993	01/01/1993	47.907	47.907		0	0	0	122	122		X					
Nhà Cận Lâm sản	Cấp IV	1994	01/01/1994	158.529	158.529		0	0	0	55	55		X					
Nhà xác	Cấp IV	1995	01/01/1995	13.408	13.408		0	0	0	182	182		X					
Nhà mổ	Cấp IV	1995	01/01/1997	511.259	511.259		0	0	0	28	28		X					
Nhà Chuyên khoa	Cấp IV	1997	01/01/1997	238.721	238.721		0	0	0	341	341		X					
Nhà Hành chính	Cấp IV	1998	01/01/1998	651.616	651.616		0	0	1	639	639		X					
Nhà Khám Đa khoa	Cấp IV	2001	01/01/2001	606.708	606.708		0	0	1	420	420		X					
Nhà HSCC	Cấp IV	2001	01/01/2001	231.574	231.574		0	0	0	276	276		X					
Nhà ngoại số 2	Cấp IV	2001	01/01/2001	188.557	188.557		0	0	0	210	210		X					
Nhà YHCT	Cấp IV	2002	01/01/2002	203.215	203.215		0	0	0	316	316		X					
Nhà YHCT	Cấp IV	2002	01/01/2002	257.601	257.601		0	0	0	200	200		X					
Nhà Ngoại số 1	Cấp IV	2002	01/01/2002	358.462	358.462		0	0	0	310	310		X					
Nhà Nội-Nhi-Nhiễm	Cấp IV	2002	01/01/2002	356.312	356.312		0	0	0	564	564		X					
Cải tạo nhà mổ, HSCC, khoa khám	Cấp IV	2018	01/09/2018	788.424	788.424		420.309						X					
Cải tạo Khoa CT, S, TMH, Hành chính	Cấp IV	2019	01/12/2019	1.368.741	1.368.741		912.266						X					
Cải tạo Nội-Nhi-Nhiễm	Cấp IV	2019	01/09/2019	398.116		398.116	238.790						X					
Cải tạo hành chính, Khoa Nội tổng hợp	Cấp IV	2020	01/12/2020	2.773.094	2.773.094		2.033.233						X					
Cải tạo khoa sản	Cấp IV	2021	44409	489.323	489.323		358.772						X					



BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TÒ CHỨC, ĐƠN VỊ

TÀI SẢN	NHÂN HIỆU	BIÊN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖ NGỒI/ TÀI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CÔNG SUẤT XE	CHỨC DANH SỬ DỤNG XE	NGUỒN GỐC XE	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG					
										Nguyên giá			Giá trị còn lại	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	
										Tổng cộng	Trong đó			Quản lý nhà nước	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết
											Nguồn NS	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Bệnh viện 331										578,500	578,500	0	0						
Xe ô Tô cứu thương	Huyndai	81B10001	7	Hàn Quốc	2010	2010		Vận chuyển bệnh nhân	Nghân sách	578,500	578,500				X				

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị
ĐVT cho: Số lượng là: Cái, Khấu viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: (đồng) đồng

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Bệnh viện 331												
1- Đất khuôn viên		37.130,3	242.424.600.000,								37.130,3	245.059.980.000,
2- Nhà		3.887,	9.747.834.600,								3.887,	9.747.834.600,
3- Tài sản cố định khác	259,	0,	34.501.647.958,	1,		67.500.000,	12,		59.472.000,	248,	0,	34.509.675.958,
4- Xe ô tô	1,	0,	578.500.000,							1,	0,	578.500.000,
Tổng cộng			287.252.582.558,			67.500.000,			0,			289.895.990.558,

34501647958

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phương Mai

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



BSCKII. Vũ Trọng Dũng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện 331

Mã đơn vị: 1052487

Loại hình đơn vị: Sự nghiệp công lập

CÔNG KHAI QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2024

ST T	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà									
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm báo cáo (tỷ lệ theo diện tích sàn sử dụng (m ²))	Sử dụng khác					
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác												
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22

Bệnh viện 331

1	Nhà Chuyên khoa tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									1997	224,	238.721.000,	0,	224,							
2	Nhà Dược tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									1993	55,	47.907.200,	0,	55,							
3	Nhà HSCC tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2001	276,	231.574.000,	0,	276,							
4	Nhà mố tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									1997	341,	511.259.000,	0,	341,							
5	Nhà Nội-Như-Nhiễm (Nối giữa Nội 1- Nội 2) tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2002	200,	257.601.000,	0,	200,							
6	Nhà Căn Lân sản tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									1994	182,	158.529.400,	0,	182,							
7	Cải tạo, sửa chữa Khoa Sản tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2021	122,	489.323.000,	358.771.624,	122,							
8	Cải tạo, sửa chữa nhà mố, HSCC, khoa khám tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2018	818,	788.424.000,	420.308.833,	818,							
9	Nhà khám Đa khoa tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2001	420,	606.708.000,	0,	420,							
10	Nhà Nội-Như-Nhiễm tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2002	564,	356.312.000,	0,	564,							
11	Nhà Hành chính tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									1998	639,	651.616.000,	0,	639,							
12	Nhà xác tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									1995	28,	13.408.000,	0,	28,							
13	Cải tạo, sửa chữa nhà HC, Nội tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2020	955,	2.773.094.000,	2.033.232.521,	955,							
14	Cải tạo, sửa chữa Khoa NNN tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai									2019	564,	398.116.000,	238.789.978,	564,							

Công khai về đất																		Công khai về nhà							
ST T	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)					Giá trị theo sổ kế toán (đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm báo cáo (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))				Ghi chú										
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc		Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác					
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê liên kết	Sử dụng khác			Không kinh doanh	Kinh doanh				Cho thuê liên kết	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp							
15	Cải tạo, sửa chữa Khoa CLS, Hành chính tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai								2019	182,	1.368.741.000,	912.265.876,	182,												
16	Nhà Ngoại số 1 tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai								2002	310,	358.462.000,	0,	310,												
17	Nhà YHCT tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai								2002	316,	203.215.000,	0,	316,												
18	Nhà ngoại số 2 tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai								2001	210,	188.557.000,	0,	210,												
20	Nhà sản tại 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai								1989	122,	106.267.000,	0,	122,												
19	Đất, quyền sử dụng đất tại 818 Phạm Văn Đồng, yển Thế, Pleiku	37.130,3	245.059.980.000,	3.887,				33.243,3		0,	0,														
	Tổng cộng:	37.130,3	245.059.980.000,	3.887,				33.243,3		6.528,	9.747.834.600,	4.739.449.746,	6.528,												

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(Chữ ký)

Trần Thị Phương Mai

Ngày tháng năm

THÀNH TRƯỞNG CƠ QUAN



CKII. Vũ Trọng Dũng

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện 331

Mã đơn vị: 1052487

Loại hình đơn vị: Sự nghiệp y tế

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)					Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	PV chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Trong đó										
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Xe ô tô													
1	HUYNDAI 81M-00001	1	578.500.000	578.500.000	0	0		X						
II	Tài sản cố định khác		34.509.675.958	32.769.163.958	1.740.512.000	9.565.103.418								
	Tài sản cố định - Vật kiến trúc		2.172.856.598	1.684.255.598	488.601.000	287.899.656		X						
1	Tường rào bảo vệ	1	124.703.000	124.703.000				X						
2	Đường ô tô, đường dạo	1	186.227.000	186.227.000				X						
3	Mái che Phòng khám	80	184.967.000	184.967.000		36.974.903		X						
4	Mái che tại một số khối nhà của bệnh viện	1	46.060.000	46.060.000		9.212.000		X						
5	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1	807.814.598	807.814.598		141.367.553		X						
6	Hệ thống đèn, chuông báo cháy	1	334.484.000	334.484.000		100.345.200		X						
7	Cải tạo nhà để xe	1	488.601.000		488.601.000	293.160.600								
	Tài sản cố định - Phương tiện vận tải đường bộ		46.800.000	46.800.000				X						
8	Xe thu gom rác	2	22.000.000	22.000.000				X						
9	Xe rác y tế	2	24.800.000	24.800.000				X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)					Mục đích sử dụng					
			Nguyên giá			Giá trị còn lại	PV chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Tổng cộng	Trong đó									
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tài sản cố định - Máy móc thiết bị văn phòng		1.852.595.400	1.162.184.400	690.411.000	389.006.880		X					
10	Máy vi tính (KHTH)	1	11.300.000	11.300.000				X					
11	Máy vi tính (Phòng khám)	1	13.050.000	13.050.000				X					
12	Máy vi tính+ máy in (XQ)	1	12.900.000	12.900.000				X					
13	Máy Laptop Dell 5437 (Giám đốc)	1	13.700.000	13.700.000				X					
14	Máy vi tính + máy in (KTTC)	1	12.900.000	12.900.000				X					
15	Máy vi tính (Mua sắm tập trung)	20	267.100.000		267.100.000			X					
16	Máy tính bảng	1	14.835.000		14.835.000	5.934.000		X					
17	Máy vi tính để bàn (FPT Elead Ed1010i)	16	213.616.000		213.616.000	85.446.400		X					
18	Máy quét 2 mặt Canon DR-C225II (Scan)	2	23.100.000		23.100.000	13.860.000		X					
19	Máy photocopy TOSHIBA	1	50.800.000	50.800.000				X					
20	Máy Photocopy	1	31.200.000	31.200.000				X					
21	Máy Photocopy Fujifilm Apeos 3560	1	67.500.000		67.500.000	54.000.000							
22	Máy lạnh SHAP	1	12.620.000	12.620.000				X					
23	Máy điều hòa không khí Aikibi 2HP	1	19.800.000	19.800.000				X					
24	Máy điều hòa TOSHIBA 1,5HP	1	12.519.000	12.519.000				X					
25	Máy điều hòa TOSHIBA 1,5HP	1	12.519.000	12.519.000				X					
26	Máy điều hòa TOSHIBA 1,5HP	1	12.519.000	12.519.000				X					
27	Máy điều hòa nhiệt độ 2HP (NI-C18R2H10)	1	14.588.000		14.588.000	9.117.500		X					
28	Máy điều hòa nhiệt độ 1,5 HP	6	74.172.000		74.172.000	46.357.500		X					
29	Máy lấy số khám tự động	1	15.500.000		15.500.000			X					
30	Máy chiếu	1	14.300.000	14.300.000				X					
31	Máy giặt	1	13.700.000	13.700.000				X					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)					Mục đích sử dụng						
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	PV chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Trong đó										
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
32	Máy giặt LG 12kg	1	10.700.000	10.700.000				X						
33	Máy giặt LG 12kg	1	10.700.000	10.700.000				X						
34	Máy giặt LG 12 kg	1	10.700.000	10.700.000				X						
35	Máy hút ẩm Edison ED-12B	2	14.800.000	14.800.000				X						
36	Hệ thống Lọc nước RO 2000l/h	1	153.377.400	153.377.400		30.675.480		X						
37	Máy lọc nước uống trực tiếp 3 vòi nóng lạnh	40	718.080.000	718.080.000		143.616.000		X						
	Tài sản cố định - Máy móc thiết bị chuyên dùng		30.437.423.960	29.875.923.960	561.500.000	8.888.196.882		X						
38	Máy chữa răng tổng hợp	1	148.500.000	148.500.000				X						
39	Máy sinh hóa nước tiểu	1	24.000.000	24.000.000				X						
40	Nồi tiết khuôn ướt	1	10.000.000	10.000.000				X						
41	Máy hút dịch	2	27.000.000	27.000.000				X						
42	Đèn mổ 1 nhánh	1	117.075.000	117.075.000				X						
43	Máy khám chữa răng tổng hợp	1	166.000.000	166.000.000				X						
44	Đầu dò âm đạo cho máy siêu âm	1	131.000.000	131.000.000				X						
45	Dao mổ điện cao tần	1	98.910.000	98.910.000				X						
46	Máy Điện tim 3 kênh	1	44.625.000	44.625.000				X						
47	Bàn khám tai mũi họng	1	94.920.000	94.920.000				X						
48	Máy siêu âm xách tay 1 đầu dò	1	215.880.000	215.880.000				X						
49	Máy chẩn đoán loãng xương bằng siêu âm	1	193.620.000	193.620.000				X						
50	Giường HSCC động cơ chạy điện	3	420.000.000	420.000.000				X						
51	Máy truyền dịch tự động	2	59.708.000	59.708.000				X						
52	Máy siêu âm trắng đen	1	559.650.000	559.650.000				X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)					Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	PV chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Trong đó									
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
53	máy rửa dạ dây tự động	1	47.250.000	47.250.000				x					
54	Bộ dụng cụ trung phẫu	1	147.525.000	147.525.000				x					
55	Monitor theo dõi khoa Ngoại-sân	1	99.225.000	99.225.000				x					
56	Nồi hấp tiết trùng	1	74.760.000	74.760.000				x					
57	Máy hút dịch	1	32.500.000	32.500.000				x					
58	Máy tạo Oxy Mesa	2	55.500.000	55.500.000				x					
59	Máy hút dịch Askir 30	1	12.000.000	12.000.000				x					
60	Máy gây mê kèm thở	1	300.000.000	300.000.000				x					
61	Monitor kèm ETCo2	1	280.000.000	280.000.000				x					
62	Máy nội soi CTC và sinh thiết	1	380.000.000	380.000.000				x					
63	Máy li tâm Z206A	1	95.000.000	95.000.000				x					
64	Bộ phẫu thuật chỉnh hình	1	500.000.000	500.000.000				x					
65	Máy cạo vôi răng	1	12.222.000	12.222.000				x					
66	Máy lazer châm cứu	2	31.400.000	31.400.000				x					
67	Máy hút dịch	2	51.870.000	51.870.000				x					
68	Máy truyền dịch tự động	1	24.065.000	24.065.000				x					
69	Hệ thống chụp XQ cao tần 400MA	1	800.000.000	800.000.000				x					
70	Đèn mổ startlux 60M	1	168.000.000	168.000.000				x					
71	Máy Nội soi Tai mũi họng	1	290.000.000	290.000.000				x					
72	Máy phân tích nước tiểu	1	40.000.000	40.000.000				x					
73	Bơm tiêm tự động TOP-5300	2	45.600.000	45.600.000				x					
74	Giường HSCC	1	105.714.000	105.714.000				x					
75	Monitor theo dõi Bệnh nhân OMNI III Mỹ	1	128.800.000	128.800.000				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)						Mục đích sử dụng					
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	PV chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Trong đó										
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
76	Máy truyền dịch TOP 3.300	1	29.900.000	29.900.000				X						
77	Hệ thống Nội soi dạ dày tá tràng	1	1.495.000.000	1.495.000.000				X						
78	Dao mổ điện cao tần LPT 350	1	77.000.000	77.000.000				X						
79	Đầu dò LINER siêu âm 4D	1	130.000.000	130.000.000				X						
80	Bộ kết nối NC máy Nội soi Cổ tử cung	1	96.000.000	96.000.000				X						
81	Hệ thống xử lý nước thải y tế	1	2.898.904.960	2.898.904.960				X						
82	Kim găm ngược xoay tròn mũi 1.5	1	10.250.000	10.250.000				X						
83	Kim găm ngược xoay tròn mũi 2.5	1	10.250.000	10.250.000				X						
84	Optic 0o 4mmx175mm	1	12.950.000	12.950.000				X						
85	Monitor theo dõi Bệnh nhân Omni III Mỹ	1	135.000.000	135.000.000				X						
86	Bom tiêm điện TDT Top 5300 Nhật	1	21.000.000	21.000.000				X						
87	Bộ xử lý HA trung tâm OTV S7V-A	1	817.000.000	817.000.000				X						
88	Dao mổ điện cao tần ITC-3000 HQ	1	78.000.000	78.000.000				X						
89	Máy xét nghiệm sinh hóa bán Tự động 3000 Italia	1	119.000.000	119.000.000				X						
90	Máy xét nghiệm huyết học TD 18 thông số 6420K	1	308.300.000	308.300.000				X						
91	ống kính nội soi	1	89.250.000	89.250.000				X						
92	Dây dẫn sáng	1	16.800.000	16.800.000				X						
93	Bàn phim điều khiển	1	10.300.000	10.300.000				X						
94	Hệ thống xét nghiệm Elisa	1	437.000.000	437.000.000				X						
95	Máy phân tích sinh hóa HTTD	1	704.300.000	704.300.000				X						
96	ống nội soi xoang 70o	1	24.000.000	24.000.000				X						
97	ống nội soi xoang 0o	1	22.300.000	22.300.000				X						
98	Hộp kính thi lực	1	98.400.000	98.400.000				X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)					Mục đích sử dụng						
			Nguyên giá			Giá trị còn lại	PV chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
			Tổng cộng	Trong đó										
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
99	Máy Điện não	1	33.800.000	33.800.000				X						
100	Máy xét nghiệm huyết học MEK-7300K	1	470.500.000	470.500.000		74.495.833		X						
101	Máy siêu âm màu Doppler 4D (GE-Mỹ)	1	1.183.500.000	1.183.500.000		355.050.000		X						
102	Hệ thống hệ thống đầu đọc X-quang kỹ thuật số CH	1	448.500.000	448.500.000		188.370.000		X						
103	Máy monitor theo dõi bệnh nhân (5 thông số) trung	2	238.800.000	238.800.000		100.296.000		X						
104	Máy Điện châm đa năng không dùng kim	2	218.800.000	218.800.000		91.896.000		X						
105	Máy sắc thuốc đóng gói tự động (3 nồi)	1	176.500.000	176.500.000		74.130.000		X						
106	hệ thống X-quang kỹ thuật số nha khoa cầm tay	1	198.000.000	198.000.000		83.160.000		X						
107	Tay khoan bit ống tùy tay cong 4 lỗ	2	24.000.000		24.000.000		10.080.000	X						
108	Hệ thống khám và điều trị nha khoa	2	588.000.000	588.000.000		246.960.000		X						
109	Máy thở	2	212.000.000	212.000.000		101.760.000		X						
110	Máy gây mê giúp thở	1	1.048.000.000	1.048.000.000		558.933.334		X						
111	Giường bệnh nhân điều khiển đa chức năng	2	136.000.000	136.000.000		72.533.334		X						
112	Bàn mổ chỉnh hình thủy lực	1	546.000.000	546.000.000		291.200.000		X						
113	Hệ thống giàn tập PHCN	1	76.000.000	76.000.000		40.533.334		X						
114	Máy đông máu tự động	1	683.000.000	683.000.000		364.266.666		X						
115	Tủ hút vô khuẩn (ATSH cấp 2)	1	209.000.000	209.000.000		111.466.666		X						
116	Đèn mổ	1	398.000.000	398.000.000		212.266.666		X						
117	Bàn sưởi ấm sơ sinh	1	150.000.000	150.000.000		80.000.000		X						
118	Máy giặt công nghiệp 55 kg	1	946.000.000	946.000.000		504.533.334		X						
119	Máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 350 lít	1	660.000.000	660.000.000		352.000.000		X						
120	Máy Ly tâm	1	73.700.000	73.700.000		44.220.000		X						
121	Máy X-Quang cao tần KTS (DR)	1	3.190.000.000	3.190.000.000		1.914.000.000		X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)										Mục đích sử dụng				
			Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	PV chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác				
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác												
														Trong đó			
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				
122	Máy X-quang C-ARM	1	1.320.000.000	1.320.000.000		792.000.000		X									
123	Giường điều khiển điện HK-9018	4	120.000.000	120.000.000		72.000.000		X									
124	Máy hút dịch 2 bình	5	157.500.000		157.500.000	94.500.000		X									
125	Máy phân tích nước tiểu	1	144.500.000		144.500.000	86.700.000		X									
126	Máy Điện tim 6 kênh	1	64.000.000		64.000.000	38.400.000		X									
127	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	368.500.000	368.500.000		221.100.000		X									
128	Máy sốc điện (Máy phá rung tim)	1	178.000.000	178.000.000		106.800.000		X									
129	Bơm tiêm điện	2	48.600.000	48.600.000		29.160.000		X									
130	Máy truyền dịch	2	66.000.000	66.000.000		39.600.000		X									
131	Đèn trưng quang hợp	1	17.000.000		17.000.000	10.928.572		X									
132	Micropipette đa kênh	1	17.000.000		17.000.000	10.928.572		X									
133	Máy đo SPO2	1	17.500.000		17.500.000	11.250.000		X									
134	Optic 0 độ	1	25.000.000		25.000.000	16.071.428		X									
135	Optic 90 độ	1	27.000.000		27.000.000	17.357.143		X									
136	Khoan xương	1	68.000.000		68.000.000	43.714.286		X									
137	Tủ sấy (đổi lưu cường bức)	5	99.000.000	99.000.000		63.642.857		X									
138	Máy điều trị sóng Xung kích	1	368.500.000	368.500.000		236.892.857		X									
139	Máy siêu âm tổng quát (màu 4D) có đầu dò siêu âm	1	1.750.000.000	1.750.000.000		1.125.000.000		X									

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Trần Thị Phương Mai

STT		Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh nh	Cho thuê thuế	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
11	Bàn mở chỉnh hình thủy lực	1	546.000.000	546.000.000		291.200.000		X							
12	Máy đóng màu tự động	1	683.000.000	683.000.000		364.266.666		X							
13	Máy giặt công nghiệp 55 kg	1	946.000.000	946.000.000		504.533.334		X							
14	Máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 350 lít	1	660.000.000	660.000.000		352.000.000		X							
15	Máy X-Quang cao tần KTS (DR)	1	3.190.000.000	3.190.000.000		1.914.000.000		X							
16	Máy X-quang C-ARM	1	1.320.000.000	1.320.000.000		792.000.000		X							
17	Máy siêu âm tổng quát (màu 4D) có đầu dò siêu âm	1	1.750.000.000	1.750.000.000		1.125.000.000		X							

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Trần Thị Phương Mai

Ngày tháng năm



THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

[Signature]

XII. Vũ Trọng Dũng

Bộ, tỉnh: Gia Lai

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện 331

Mã đơn vị: 1052487

Loại hình đơn vị: Sự nghiệp y tế

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC (Trên 500 triệu)
NĂM 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)					Mục đích sử dụng						
			Nguyên giá			Giá trị còn lại		Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
I	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Xe ô tô													
1	HUYNDAI 81M-00001	1	578.500.000	578.500.000	0	0		x						
II	Tài sản cố định khác		19.909.169.558	19.909.169.558	0	6.398.350.887								
	Tài sản cố định - Vật kiến trúc		807.814.598	807.814.598	0	141.367.553		x						
1	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1	807.814.598	807.814.598		141.367.553		x						
	Tài sản cố định - Máy móc thiết bị chuyên dùng		19.101.354.960	19.101.354.960	0	6.256.983.334		x						
2	Máy siêu âm trắng đen	1	559.650.000	559.650.000				x						
3	Bộ phẫu thuật chỉnh hình	1	500.000.000	500.000.000				x						
4	Hệ thống chụp XQ cao tần 400MA	1	800.000.000	800.000.000				x						
5	Hệ thống Nội soi dạ dày tá tràng	1	1.495.000.000	1.495.000.000				x						
6	Hệ thống xử lý nước thải y tế	1	2.898.904.960	2.898.904.960				x						
7	Bộ xử lý HA trung tâm OTV S7V-A	1	817.000.000	817.000.000				x						
8	Máy phân tích sinh hóa HTTD	1	704.300.000	704.300.000				x						
9	Máy siêu âm màu Doppler 4D (GE-Mỹ)	1	1.183.500.000	1.183.500.000		355.050.000		x						
10	Máy gây mê giúp thở	1	1.048.000.000	1.048.000.000		558.933.334		x						

Bộ, tỉnh: Gia Lai

Mẫu số 09d-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện 331

Mã đơn vị: 1052487

Loại hình đơn vị: Sự nghiệp y tế

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Bệnh viện 331																
I	Tài sản cố định khác															

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Ghi chú:

Trần Thị Phương Mai

Ngày tháng năm

NGƯỜI TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



BSCKII. Vũ Trọng Dũng

- Cột 2: Phần III Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).

- Cột 12: Ghi rõ đã thực hiện hay chưa, trường hợp đã bán thì ghi rõ hình thức bán (dấu giá, niêm yết, chỉ định), trường hợp đã thanh lý thì ghi rõ hình thức thanh lý (phá dỡ, hủy bỏ, bán dấu giá, bán niêm yết, bán chỉ định).

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

Bộ, tỉnh: Gia Lai
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện 331
Mã đơn vị: 1052487
Loại hình đơn vị: Sự nghiệp y tế

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi	
											Nộp NSNN (đồng)	Được để lại đơn vị (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Bệnh viện 331												
I	Mua sắm											
I	Tài sản cố định khác											
	Máy Photocopy Fujifilm Apeos 3560	Cái	1	Fujifilm	Việt Nam	2024	67.500.000	Mua sắm tập trung cấp địa phương	Công ty TNHH TMDV Sao Việt			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trần Thị Phương Mai

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



BSCKL. Vũ Trọng Dũng